

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BC-TST.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101334129
- Vốn điều lệ: 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng chẵn.)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243 7366 984
- Website: tst.com.vn
- Mã cổ phiếu: TST

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

1. Việc thành lập :

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tiền thân là Trung tâm KASATY Hà Nội, là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin 2.
- Hoạt động chính của Trung tâm KASATY là lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học từ năm 1990. Trong năm đó, Trung tâm triển khai thực hiện các hoạt động khác như: xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học, nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học.
- Đến năm 1997, Trung tâm thực hiện tiếp các hoạt động: tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế, thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; cho thuê các sản phẩm thiết bị viễn thông.

- Theo Quyết định số 232/2000/QĐ-TCCB ngày 10/03/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, chuyên Trung tâm KASATY Hà Nội là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất thiết bị thông tin 2 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST). Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông - TST trở thành Công ty Cổ phần trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT chuyên hoạt động trong các lĩnh vực Điện - Điện tử - Viễn thông - Tin học.

+ Niêm yết:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) chính thức niêm yết 4.800.000 cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Hà nội ngày 03/12/2007:

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông(TST)

+ Mã chứng khoán: TST

+ Mệnh giá giao dịch: 10.000đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng chứng khoán đăng ký : 4.800.000 cổ phiếu (Bốn triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)

+ Tổng giá trị CK đăng ký : 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi số

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) chính thức giao dịch ngày 05/12/2007.

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0101334129 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 16 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 26/10/2021 (*thay đổi về người đại diện theo pháp luật*).
Ngành nghề kinh doanh hiện nay của Công ty bao gồm:

1- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:

Đo kiểm chuyên ngành viễn thông, truyền hình (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)

+ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;

+ Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyên giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;

+ Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động

Nhà nước cấm).

- 2- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình.
- 3- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông.
- 4- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 5- Vận tải hành khách đường sắt
- 6- Vận tải hàng hóa đường sắt
- 7- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.
- 8- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- 9- Đại lý du lịch. Chi tiết: + Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- 10- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- 11- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- 12- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: + Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; + Xây dựng các công trình viễn thông, điện tử, tin học;
- 13- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: + Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện tử, điện, tin học.
- 14- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: + Quảng cáo bất động sản.
- 15- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: + sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học.
- 16- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: + Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông.
- 17- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: + Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học.
- 18- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: + Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- 19- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: + Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; + Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 20- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: + Dịch vụ sự đánh giá phù hợp gồm: thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận.

- 21- Vận tải hành khách bằng xe buýt nội thành.
- 22- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: + Xây dựng các công trình điện đến 35 KV;
- Xây dựng nhà cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên song, các cảng du lịch, cửa cống...
- + Đập và đê
- + Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật.
- 23- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: + Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- 24- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý.
- 25- Hoạt động viễn thông có dây
- Chi tiết: + Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông có dây: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận, các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông có dây. Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động trên có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Điều hành, duy trì thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn để cung cấp liên lạc giữa điểm này với điểm khác theo đường dây dẫn mặt đất, vi ba hoặc kết hợp giữa dây dẫn mặt đất và kết nối vệ tinh; Điều hành hệ thống phát bằng cáp (VD: phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình);
- Cung cấp liên lạc điện báo và vô thanh khác bằng thiết bị thuộc sở hữu của họ. Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.
- + Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông có dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác: Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng.
- 26- Hoạt động viễn thông không dây
- Chi tiết: + Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận, các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông không dây. Hệ thống truyền dẫn cung cấp truyền dẫn đa hướng theo sóng truyền phát trên không trung, có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Hoạt động duy trì và điều hành nhắn tin di động và mạng viễn thông không dây khác. Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây.
- + Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác: Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông không dây (trừ vệ tinh) cho người sử dụng.

27- Hoạt động viễn thông khác

Chi tiết: + hoạt động của các điểm truy cập internet: Hoạt động của các đại lý internet cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng.

+ Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).

28- Công thông tin

Chi tiết: + Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng.

+ Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ.

29- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: + Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí, các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, vv...

30- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

Các chi nhánh của TST:

Xí nghiệp bảo dưỡng đo kiểm

Địa chỉ: Số 4a, 4b, 4c Phố Vương Thừa Vũ, P.Khuong Trung, Q.Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại	: 84-4- 38 724 586
Fax	: 84-4- 38 272 942
Email	: tstjsc@tst.com.vn
Website	: http://www.tst.com.vn

Xí nghiệp Xây lắp số 1

Địa chỉ: Số 4a, 4b, 4c Phố Vương Thừa Vũ, P.Khuong Trung, Q.Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại	: 84-4- 3736 6984
Fax	: 84-4- 3568 2240
Email	: tstjsc@tst.com.vn
Website	: http://www.tst.com.vn

Chi nhánh Miền Trung

Địa chỉ : Số 147 Cần Giuộc, P. An Khê, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại	: 0236 3668226	Fax: 0236 668 225
Email	: tstjsc@tst.com.vn	
Website	: http://www.tst.com.vn	

Chi nhánh Cần Thơ

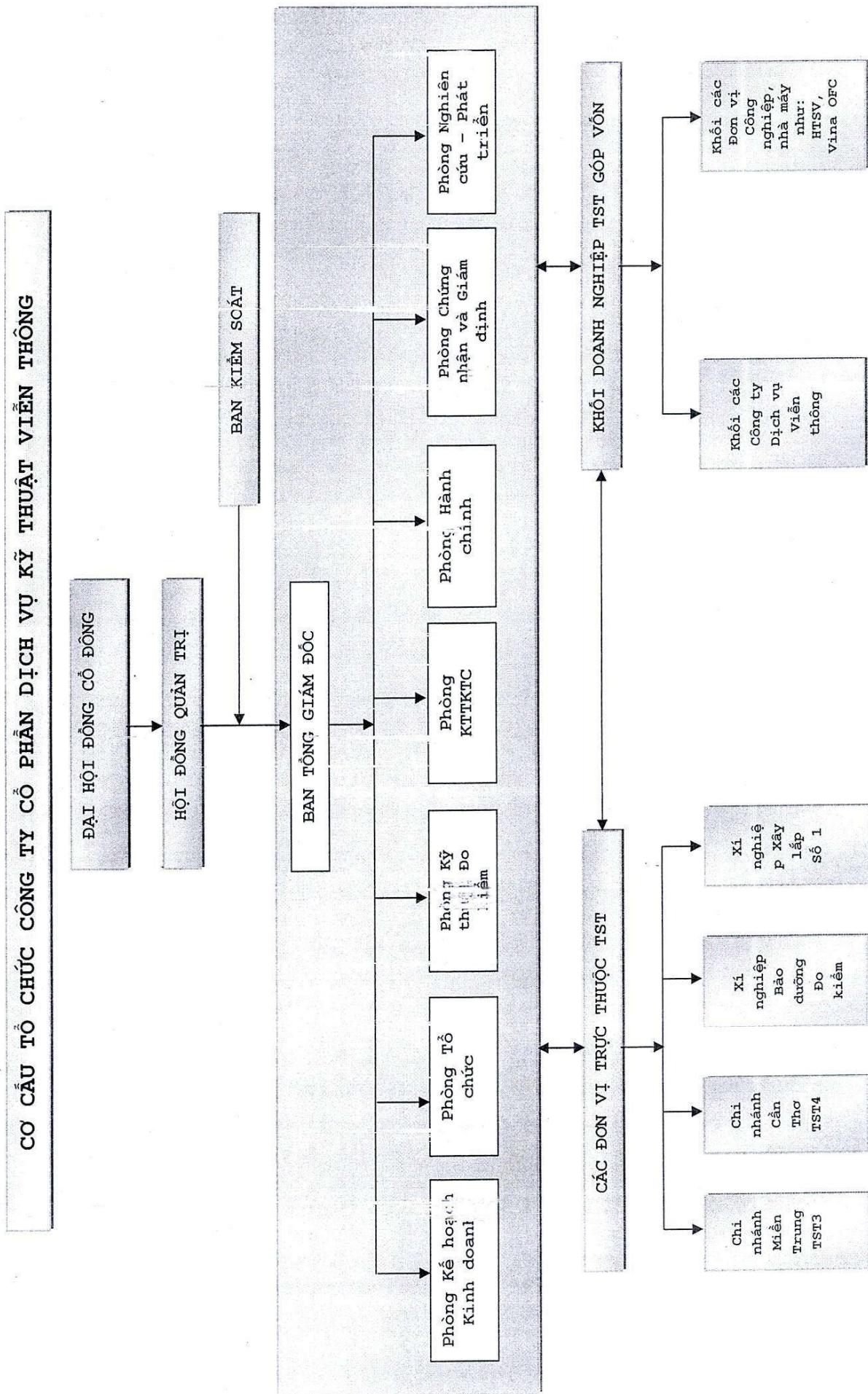
Địa chỉ : 42 Quang Trung, KĐT Phú An, P.Phú Thứ, Q.Cái Răng ,
TP.Cần Thơ, Việt Nam.
Điện thoại : 0292.3918668 Fax: 0292. 3918666
Email : tstjsc@tst.com.vn
Website : <http://www.tst.com.vn>

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị/
- Cơ cấu bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

Danh sách những công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết:

1. Công ty cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA – OFC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, Ngõ Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội
- Trụ sở văn phòng Công ty: Số 1, Ngõ Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0100113423 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 06 năm 2014, thay đổi lần thứ hai là ngày 24/09/2021;
Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
 - + Sản xuất cáp, sợi quang học; sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác chi tiết: sản xuất các phụ kiện thiết bị động bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị, vật tư nguyên vật liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp, điều khiển tự động;
 - + Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật có liên quan; Đo kiểm các loại cáp quang, thiết bị buồng chính Viễn thông; Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Buồng chính viễn thông, truyền hình.
 - + Nghiên cứu chế tạo, ứng dụng, bảo trì, sửa chữa các máy móc thiết bị buồng ngành viễn thông, truyền hình, điện tử, điều khiển tự động; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: bán buôn các loại phụ kiện thiết bị động bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị, vật tư nguyên liệu chuyên ngành Viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp, điều khiển tự động.
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: kinh doanh bất động sản; Hoạt động về kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: tư vấn thiết kế mạng công trình chuyên ngành Buồng chính viễn thông, tin học;
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết: Xây dựng mạng các công trình chuyên ngành Buồng chính viễn thông, tin học;
- Đến thời điểm 31/12/2021, số cổ phần của Công ty TST tại Công ty cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC là: 22.275.000.000 đồng chiếm 25% vốn điều lệ.

2. Danh sách những công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết:

Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 3): số 0103019669 cấp ngày 18 tháng 07 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Địa chỉ: Số 164 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất, mua bán các thiết bị viễn thông;
 - + Thi công, lắp đặt các thiết bị, chuyên ngành viễn thông;

- + Đại lý cung cấp, kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành viễn thông;
- + Nghiên cứu và phát triển các thiết bị viễn thông theo đơn đặt hàng;
- + Ủy thác xuất nhập khẩu;
- + Môi giới thương mại, đại diện thương nhân;
- + Kinh doanh ô tô, xe máy và các phu tùng thay thế; Sản xuất, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị linh kiện điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và công nghiệp, tin học, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình;
- + Tổ chức các sự kiện;
- + Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông (các dịch vụ giá trị gia tăng trên internet, truyền hình, điện thoại di động, điện thoại cố định, dịch vụ truyền hình, truyền thanh trên internet và trên các phương tiện thông tin đại chúng);
- + Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- + Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống mạng viễn thông, thông tin trong các công trình bưu chính Viễn thông(không bao gồm dịch vụ thiết kế mạng thông tin, bưu chính Viễn thông công trình xây dựng);
- + Xây lắp các công trình bưu chính Viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, tin học;
- + Sản xuất và mua bán trang thiết bị y tế, thiết bị công nghệ cao;
- + Cho thuê các loại máy móc, thiết bị Công ty kinh doanh;
- + Dịch vụ tư vấn, đào tạo, dạy nghề nâng cao trình độ chuyên môn trong các lĩnh vực: quản lý, công nhân, kỹ thuật viên ngành Viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện lạnh, khoa học kỹ thuật(chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp giải pháp kỹ thuật chuyên môn ngành Viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện lạnh, khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, y tế(không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật).
- Vốn điều lệ: **30.272.250.000** đồng (Ba mươi tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./)
- Đến thời điểm 31/12/2021, tổng số vốn Công ty TST đã góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam là **15.300.000.000** đồng (*Mười năm tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn*) - chiếm 51%.

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- + Bảo toàn vốn và tăng lợi nhuận, hàng năm chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty.
- + Nâng cao đời sống của người lao động;
- + Tái cấu trúc Công ty theo mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ phù hợp với tình hình thị trường, môi trường kinh doanh nhằm tăng sức cạnh tranh trong môi trường tự do cạnh tranh như hiện nay.Trong quá trình tái cấu trúc sẽ điều chỉnh tổ

chức bộ máy tinh gọn đầu mối và tinh giản biên chế.

a- Về tổ chức:

- Xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp sản phẩm, vật tư, phụ kiện phục vụ mạng lưới viễn thông.
- Định hướng phát triển thêm dịch vụ ngoài như: Dịch vụ đánh giá phù hợp của sản phẩm, hàng hóa gồm: thử nghiệm, kiểm định và chứng nhận; phát triển mô hình nông nghiệp thông minh (hợp tác với VNPT tech); Đo kiểm thử nghiệm pin
- Duy trì tinh thần, đoàn kết, gắn bó, thống nhất chỉ huy trong chỉ đạo, điều hành, phát huy tính năng động, sáng tạo của toàn thể CBCNV thông qua cơ chế trách nhiệm và quyền lợi.
- Chú trọng đạo tạo lại lực lượng lao động hiện có để tăng cường khả năng chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, để tiến tới làm chủ được lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Thực hiện chế độ khen thưởng, động viên kịp thời với người lao động đem lại hiệu quả cao cho Công ty. Thực hiện chi thưởng, phúc lợi đầy đủ, công bằng cho CBVNV Công ty trong các ngày Lễ, Tết.
- Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến người lao động trong quá trình hoạt động sxkd.

b- Về kế hoạch-kinh doanh:

- Tranh thủ sự ủng hộ của khách hàng lớn, đối tác chiến lược, khẳng định thương hiệu và từng bước mở rộng tới các thị trường khác.
- Khai thác triệt để các dịch vụ nhỏ lẻ, có hiệu quả và thu hồi vốn nhanh.

c- Về tài chính-Kế toán- Thông kê:

- Bảo toàn vốn, nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ của khách hàng, tránh tình trạng nợ đọng vốn sản xuất kinh doanh.
 - Đảm bảo công tác hạch toán, kế toán, chính xác đầy đủ phù hợp với quy định của luật pháp hiện hành và cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Tổng giám đốc, để có những quyết sách kịp thời.
 - Giảm thiểu việc sử dụng nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. *Các rủi ro:* (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021: Nếu các kết quả đạt được trong năm. Nếu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vv

STT	Loại hình dịch vụ	Thành tiền
1	Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng	-242.636
2	Doanh thu bán hàng thương mại	39.530.030.500
3	Doanh thu dịch vụ sửa chữa ứng cứu	8.122.418.661
4	Doanh thu dịch vụ xây lắp	39.516.978.220
5	Doanh thu dịch vụ lắp đặt	2.045.046.199
6	Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	0
7	Doanh thu dịch vụ tối ưu hóa	3.949.083.755
8	Doanh thu dịch vụ do kiểm	1.177.236.017
9	Doanh thu dịch vụ khác trong đó:	750.327.273
9.1	Cho thuê Thiết bị nhà trạm viễn thông	
9.2	Cho thuê tài sản	750.327.273
9.3	Khác	
	Tổng cộng	95.090.877.989

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty TST năm 2020 so với kế hoạch 2021 và thực hiện năm 2020.

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thực hiện 2021	KH 2021	Thực hiện 2020	% với KH	% với 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,090,877,989	148,061,000,000	93,612,672,028	64%	102%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	69,219,000	0%	0%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,090,877,989	148,061,000,000	93,543,453,028	64%	102%
Giá vốn hàng bán	86,131,973,823	128,813,070,000	81,135,036,446	67%	106%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,958,904,166	19,247,930,000	12,408,416,582	47%	72%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,749,695	-	3,162,820	0%	55%
Chi phí tài chính	2,193,714,972	4,049,793,951	3,696,887,266	54%	59%
Trong đó: chi phí lãi vay	2,176,889,261	4,049,793,951	3,670,172,538	54%	59%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	80,169,203	1,063,000,000	736,222,971	8%	11%
Chi phí bán hàng	155,879,336	1,300,000,000	724,778,586	13%	23%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,219,495,093	9,556,886,049	7,351,450,807	65%	85%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	401,733,663	5,404,250,000	1,374,685,714	9%	34%
Thu nhập khác	-	-	3,181,818	0%	0%
Chi phí khác	671,225,847	-	1,086,555,078	0%	62%
Lợi nhuận khác	(671,225,847)	-	(1,083,373,260)	0%	62%

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(209,492,184)	5,404,250,000	291,312,454	-4%	-72%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35,983,106	868,250,000	91,594,621	4%	39%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	0%	0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(245,475,290)	4,536,000,000	199,717,833	-5%	-123%

2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

* DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH:

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Xuân Hiển	1971	Tổng giám đốc	8,15%
2	Lê Anh Toàn	1979	Phó Tổng giám đốc	0%
3	Đặng Quang Trung	1976	Phó Tổng giám đốc	0%
4	Lâm Vũ Hoàng Tùng	1991	Phó Tổng giám đốc	5,22%
5	Trần Trung Hiếu	1980	Kế toán trưởng	0%

Tóm tắt sơ yếu lý lịch Ban điều hành:

1.Họ và tên :

Nguyễn Xuân Hiển

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/5/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Số CMND : 001071011795, cấp ngày 24/06/2020 tại: Cục CSQLHC về TTXH, Bộ Công An.
- Địa chỉ thường trú: Lô 3 khu C TDP số 3 Mẽ Trì Hạ, Phường Mẽ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0911 335 555
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - + Từ T11/1992-> T6/1995: Chuyên viên kế hoạch- Cty Viễn thông Quốc Tế (VTI)
 - + Từ T5/1998->T09/1999: Tập sự Cấp 1- Tập đoàn Viễn thông Telstra-Australia tại Sydney.

- + Từ T11/1998->T09/1999: Chuyên viên tổng hợp – Cty Tài chính Bưu điện.
- + Từ T10/1999-> T08/2004: Trưởng phòng kế hoạch- Trung tâm CNTT, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- + Từ T09/2004->T07/2009: Trợ lý Phó TGĐ- VP Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- + Từ T08/2009-> T04/2010: Phó Phòng kế hoạch – Cty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone
- + Từ T05/2010-> T09/2015: Phó Giám đốc- Trung tâm phát triển dịch vụ GTGT Vinaphone.
- + Từ T09/2015-> T11/2015: Tổ viên- Tổ bàn giao Tài sản từ Vinaphone cũ sang Tổng công ty Viễn thông VNPT- Vinaphone (mới)- Theo mô hình tái cơ cấu của VNPT.
- + Từ T03/2011-T07/2015: Thành viên kiêm nhiệm – Tổ chức Liên minh di động Châu Á TBD Conexus của VNPT tại Singapore.
- + Từ T01/2016-> T02/2016: Nghỉ phép - Dừng công tác tại VNPT sau khi bàn giao từ Vinaphone cũ sang Tổng Công ty Viễn thông VNPT- Vinaphone (mới).
- + Từ T02/2016-T09/2020: Phó Giám đốc phụ trách - Trung tâm chuyển giao công nghệ TTTT, VCL, Bộ TTTT.
- + Từ T10/2021 đến nay: Tổng giám đốc; Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông.

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: **543.900 cổ phần (chiếm 11,33%)**

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 391.100 cổ phần (chiếm 8,15%)
- Đại diện Công ty cổ phần TERANET: 152.800 cổ phần (chiếm 3,18%)
- Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (chiếm 0%)

- Những người có liên quan:

- 1.Vợ: Nguyễn Thị Tố Linh: số CCCD 001177012200
- 2.Mẹ đẻ: Trần Thị Đa: CCCD 019146000024
- 3.Mẹ vợ: Nguyễn Thị Sỹ: CCCD 040150000422

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

2) Họ và tên :

Lê Anh Toàn

- | | |
|------------------------|-----------|
| - Giới tính: | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh: | 13/5/1979 |
| - Nơi sinh: | Thanh Hoá |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Dân tộc: | Kinh |
| - Quê quán: | Thanh Hoá |

- Số CMND : 013119723, cấp ngày 20/12/2008 tại Hà nội
 - Địa chỉ thường trú: Phòng 104 Nhà A, TT Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Điện thoại liên lạc: 0909 020 982
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học
 - Quá trình công tác:
- Từ T3/2003 đến T3/2006: Cán bộ Kỹ thuật tại Xưởng sửa chữa ứng cứu và Xây lắp- Cty TST.
 - Từ T4/2006-> T11/2007: Phó Xưởng SC-UC-XL- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
 - Từ T12/2007 ->T8/2009: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
 - Từ T8/2009-> T8/2010: Phó giám đốc phụ trách Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị- Cty TST.
 - Từ T8/2010 -> T9/2012: Giám đốc Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị- Cty TST.
 - Từ T9/ 2012-> T6/2013 : Phó tổng Giám đốc Công ty TST, kiêm Giám đốc- Xí nghiệp Lắp đặt Thiết bị - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.
 - Từ T6/2013 đến nay: Phó tổng Giám đốc Công ty TST, kiêm Giám đốc- Xí nghiệp Bảo dưỡng Đo Kiểm - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
 - - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Cty TST, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bảo dưỡng- Đo Kiểm - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm 0%)
 Trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (chiếm 0%)
- Những người có liên quan:
1. Bố: Lê Trọng Loan: Số CMT 171634553 cấp ngày 15/10/1995, tại Thanh Hoá; Nơi ở: 57, Lê Thánh Tông, Ngọc Giao, Phường Đông Vệ, Tp Thanh Hoá.
 2. Mẹ: Lê Thị Mai: Đã mất
 - 3.Anh: Lê Anh Tuấn: CMT 171746405 cấp ngày 5/9/2007, tại Thanh Hoá. Nơi ở: 57, Lê Thánh Tông, Ngọc Giao, Phường Đông Vệ, Tp Thanh Hoá.
 - 4.Em: Lê Anh Tùng: Nơi ở: Cộng hòa Liên bang Đức.
 - 5.Vợ: Trần Thu Hà: CMT 01244513 cấp ngày 29/12/2008 tại Hà Nội; Nơi ở: Phòng 104 Nhà A, TT Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
 6. Con: Lê Hà Linh: Sinh năm 2008
 7. Con: Lê Anh Thư: Sinh năm 2013
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

3- Họ và tên:	Đặng Quang Trung
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	01/09/1976
- Nơi sinh:	Hải Phòng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Số CMND:	031076002163 Cấp ngày 26/01/2016, Nơi cấp: Cục cư trú và DLQG về dân cư.
- Địa chỉ thường trú:	Phòng 104 Nhà E4 TT8/3. Phường Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng- Hà Nội.
- Địa chỉ liên lạc:	Phòng 104 Nhà E4 TT8/3. Phường Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng- Hà Nội - Điện thoại liên lạc: 0404 063 588
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện tử Viễn thông
- Quá trình công tác:	
Từ T2/2000 đến T12 năm 2002:	Cán bộ kỹ thuật – Bưu điện Hải Phòng.
Từ 01/2003 đến nay :	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng KHKD Công ty TST.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác:	Không
- Số cổ phần nắm giữ:	0
- Những người có liên quan:	
1. Bố : Đặng Quang Thường: Số CMT: 030336183 cấp ngày 27/12/2010 tại CA Tp Hải Phòng; Nơi ở: Thùy Nguyên Hải Phòng	
2. Mẹ : Lê Thị Liên: Số CMT: 030093570 cấp ngày 11/04/2012 tại CA Tp Hải Phòng; Nơi ở: Thùy Nguyên Hải Phòng	
3. Chị: Đặng Thị Liên Minh : Số CMT: 030840974 cấp ngày 01/10/2007, cấp tại CA Tp Hải Phòng. Nơi ở: Số 1 ngõ 20 Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng.	
4.Anh: Đặng Quang Đức: Số CMT 273261043 cấp ngày 03/06/2004, nơi cấp CA tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nơi ở: 6B Yersin, Phường 7, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	
5. Em trai: Đặng Quang Thành: số CMT 031146306 cấp ngày 20/8/20007, tại CA Tp Hải Phòng. Nơi ở: Thùy Nguyên- Hải Phòng.	
6 Vợ: Nguyễn Thị Thu Hiền: số CMT012845822 cấp ngày 09/05/2006, tại CA Tp Hà Nội. Nơi ở: Phòng 104 Nhà E4 TT8/3. Phường Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng- Hà Nội.	

7. Con gái: Đặng Thị Trung Anh: SV	
8. Con trai: Đặng Trung Tuấn: Học sinh lớp 11	
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:	Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:	Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết:	Không
4.Họ và tên :	Lâm Vũ Hoàng Tùng
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	01/11/1991
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Quảng Nam
- Số CMND :	001091025293, cấp ngày 09/11/2018 tại: Cục CSQLHC về TTXH.
- Địa chỉ thường trú:	Phòng 1501, Tòa nhà 29T1, Khu đô thị N05 đường Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc:	0856 789 999
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản Trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:	
+ Từ năm 2015-2016: Chuyên viên - Phòng quan hệ khách hàng Doanh nghiệp- Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Hà Nội.	
+ Từ năm 2016-2017: Tổ trưởng -Phòng quan hệ khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Hà Nội.	
+ Từ năm 2017->T06/2018: Trưởng bộ phận Quan hệ khách hàng DN lớn- Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Hà Nội.	
+ Từ T07/2018 -> nay: Giám đốc – Công ty cổ phần Thương mại du lịch Đông Tây	
+ Từ T01/2020 -> nay: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Teranet	
+ Từ T03/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc; Thành viên- HĐQT - Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông.	
- Số cổ phần nắm giữ:	250.600 cổ phần (chiếm 5,22%)
Trong đó:	
o Sở hữu cá nhân:	250.600 cổ phần (chiếm 5,22%)
o Đại diện phần vốn Nhà nước:	0 cổ phần (chiếm 0%)
- Những người có liên quan:	
1.Mẹ đẻ: Vũ Hoàng Lan: CMT 010420026	
2.Vợ: Nguyễn Nguyệt Ánh: CCCD 001191024136	
3.Anh rể: Vũ Việt Bảo: CCCD 001083001595	

4.Chị gái: Lâm Thanh Hương: CCCD 001185016760

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

5. Họ và tên: Trần Trung Hiếu

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/4/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011974334 Cấp ngày 17/5/2011, Nơi cấp: Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 18 Ngõ Quyền- Tràng Tiền- Hoàn Kiếm- Hà Nội.
- Địa chỉ liên lạc: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0912 293 474
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2002 đến năm 2009 : Kế toán - Công ty cổ phần Thành An
 - Từ năm 2010 đến năm 2012 : Trưởng phòng kế toán - XNLĐ Thiết bị thuộc Cty TST.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng KTTKTC, Kế toán trưởng Công ty TST.
 - Chức vụ công tác ở Công ty khác:
 - Số cổ phần nắm giữ:
 - Những người có liên quan:
 - 1. Bố : Trần Trung Thắng: Nơi ở: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
 - 2. Mẹ : Bùi Thị Síu: Nơi ở: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
 - 3. Chị: Trần Nguyệt Anh : Số CMT:cấp ngày....., cấp tại CA Hà Nội. Nơi ở: 628 Đê La Thành- Giảng Võ, Hà Nội.
 - 4. Vợ: Nguyễn Thị Thu Cúc Số CMT:cấp ngày, cấp tại CA Hà Nội.Nơi ở: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
 - 5. Con: Trần Hiếu Linh: Học sinh lớp 11
 - 6. Con: Trần Trung Thái: Học sinh lớp 6
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không
- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Hiển	1971	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/9/2021
2	Phan Sỹ Kiên	1972	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/09/2021
3	Lâm Vũ Hoàng Tùng	1991	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/3/2021

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số lượng CBCNV tại 31/12/2021 là: 103 người.

+ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp đối với người lao động.

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo và đào tạo tại chỗ và đã dành sự quan tâm thiết thực đến khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty có những tiến bộ rõ rệt theo từng năm, ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết):

+ Tình hình tài chính Công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam sxkd năm 2021 đạt DT là 39.530.030.500đ, giá vốn: 36.828.252.024đ, Lợi nhuận trước thuế: 118.939.666, LN sau thuế: 94.285.797đ.

+ Tình hình tài chính của Công ty liên kết, liên doanh: Công ty cổ phần cáp quang Việt Nam Vina – OFC sxkd năm 2021 đạt DT: 152.198.823.405đ; giá vốn: 132.132.861.467đ; Lợi nhuận trước thuế: 1.044.893.295đ; LN sau thuế 869.984.572đ.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	% tăng giảm/ %
----------------------------	------------------	------------------	-------------------

			change
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	281,517,289,499	286,184,388,019	1.6%
Doanh thu thuần	93,612,672,028	95,090,877,989	1.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,374,685,714	461,733,663	197.7%
Lợi nhuận trước thuế	291,312,454	(209,492,184)	239.1%
Lợi nhuận sau thuế	199,717,833	(245,475,290)	181.4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/	0%	0%	0%
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	281,517,289,499	286,184,388,019	1.6%
Doanh thu	93,612,672,028	95,090,877,989	1.6%
Thuế và các khoản phải nộp	91,594,621	35,983,106	-154.5%
Lợi nhuận trước thuế	291,312,454	(209,492,184)	239.1%
Lợi nhuận sau thuế	199,717,833	(245,475,290)	181.4%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:</i>			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh	1.33	1.32	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn	0.91	0.90	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.62	0.63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.64	1.70	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	1.13	1.18	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.33	0.33	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần .	0.2%	-0.3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.2%	-0.23%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.1%	-0.1%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần .	1%	0.5%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
<i>1. Quy mô vốn</i>			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
<i>3. Khả năng thanh khoản</i>			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo

trợ tại nước ngoài

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông (TST)
 - + Mã chứng khoán: TST
 - + Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng chứng khoán đăng ký : 5.000.000 cổ phiếu (Năm triệu cổ phiếu)
 - + Tổng giá trị CK đăng ký : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
 - + Hình thức đăng ký: Ghi số
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...):
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông(TST)
 - + Mã chứng khoán: TST
 - + Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng chứng khoán đăng ký : 4.800.000 cổ phiếu (*Bốn triệu tám trăm nghìn cổ phiếu*)
 - + Tổng giá trị CK đăng ký : 48.000.000.000 đồng(*Bốn mươi tám tỷ đồng*)
 - + Hình thức đăng ký: Ghi số
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có):
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông(TST)
 - + Mã chứng khoán: TST
 - + Mệnh giá giao dịch: 10.000đồng (*Mười nghìn đồng*)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng chứng khoán chưa đăng ký : 200.000 cổ phiếu (*Hai trăm nghìn cổ phiếu*)
 - + Tổng giá trị CK chưa đăng ký : 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*).

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Pháp nhân (Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam)	1.575.000	32,81
2	Thẻ nhân và CBCNV, và cổ đông khác	3.176.500	66,18
3	Nước ngoài	48.500	1,01
Tổng		4.800.000	100

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Buru chính Viễn thông Việt Nam (Mã số: TST.00767)	57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	1.575.000	15.750.000.000	32,81
2	Nguyễn Thị Tô Linh	Lô 3-Khu C-TDP số 3, Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	398.000	3.980.000.000	8,29
3	Nguyễn Xuân Hiển	Lô 03 - Khu C - TDP số 3 Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	391.100	3.911.000.000	8,15
4	Lâm Vũ Hoàng Tùng	50 Ngõ 84 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	250.600	2.506.000.000	5,22

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.. *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đòn tảng giao dịch. *Không có*.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán. *Không có*.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a-Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi

trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động tại ngày 31/12/2021 là: 103 người

- Thu nhập bình quân CBCNV 1 tháng/2021: 8.040.000/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Hàng năm Công ty thường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Ban Tổng giám đốc điều hành, tập thể CBCNV toàn Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch sxkd năm 2021 đã đề ra trên cơ sở đánh giá đúng những thuận lợi và khó khăn thách thức đối với Công ty.

* Về thuận lợi:

- Được Tập đoàn Bưu chính viễn thông chỉ đạo chặt chẽ, luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành nhiệm vụ.

- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV đoàn kết, gắn bó, quyết tâm cao vì mục tiêu phát triển ổn định lâu dài của Công ty.

- Sự tin tưởng và hỗ trợ tích cực từ các cổ đông của Công ty.

* Về khó khăn:

Năm 2021 vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19, sẽ tác động rất lớn đến tình hình sxkd của tất cả các ngành nghề trên cả nước ta, trong đó Công ty TST cũng sẽ chịu ảnh

hưởng không nhỏ. Do dịch bệnh kéo dài, diễn ra rải rác trên khắp các tỉnh thành trong cả nước như: Tp HCM và đặc biệt là Tp Hà Nội dịch bùng phát cao nhất cả nước ta, phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16, hoặc chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ; các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa, chỉ một số cửa hàng được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng....nên ảnh hưởng trực tiếp đến các đội thi công, xây lắp, lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị Viễn thông. Khó khăn về việc làm, nhu cầu dịch vụ, giá thành giảm đồng thời chi phí tăng cao khiến Công ty gặp không ít khó khăn trong việc trả lương, BHXH, thuế, đặc biệt chi phí lãi vay Ngân hàng trong năm 2021 cao gấp nhiều lần so với lợi nhuận hợp nhất trước thuế, điều này cho thấy công ty TST đã không có đủ nguồn vốn để tài trợ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của mình mà phải tiếp tục vay vốn từ ngân hàng. Do đó, thường xuyên chiếm dụng vốn dài kỳ của nhà cung cấp làm ảnh hưởng phần nào đến uy tín của Công ty.

- + Phát triển thêm dịch vụ ngoài các dịch vụ truyền thống của Công ty.
 - + Chăm sóc và phục vụ khách hàng tận tình chu đáo thỏa mãn nhu cầu của khách hàng theo đúng cam kết;
 - + Bám sát kế hoạch Chủ đầu tư để đưa ra quyết sách kịp thời.
 - + Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường để đề ra các biện pháp đúng đắn phát triển thị trường các dịch vụ mới.
 - + Tập trung vào các dịch vụ thu hồi được vốn nhanh, hiệu quả, đa dạng loại hình kinh doanh dịch vụ không ngại khó. Tận dụng triệt để mặt bằng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.
 - + Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch
TÀI SẢN NGẮN HẠN	237,732,357,695	230,554,318,464	7,178,039,231
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,453,556,014	4,099,708,444	5,353,847,570
Các khoản phải thu ngắn hạn	151,086,414,499	153,744,090,643	-2,657,676,144
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	95,119,555,174	95,664,653,861	-545,098,687
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,676,984,235	2,293,116,598	383,867,637
Phải thu ngắn hạn khác	59,267,435,048	61,763,880,142	-2,496,445,094
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-5,977,559,958	-5,977,559,958	0
Tài sản thiếu chò xử lý	0	0	0
Hàng tồn kho	76,209,459,941	72,040,094,441	4,169,365,500
Hàng tồn kho	78,474,614,079	74,305,248,579	4,169,365,500

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-2,265,154,138	-2,265,154,138	0
Tài sản ngắn hạn khác	982,927,241	670,424,936	312,502,305
Chi phí trả trước ngắn hạn	0	15,372,433	-15,372,433
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	577,611,465	249,736,727	327,874,738
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	405,315,776	405,315,776	0
TÀI SẢN DÀI HẠN	48,452,030,324	50,962,971,035	-2,510,940,711
Các khoản phải thu dài hạn	65,375,000	71,995,000	-6,620,000
Phải thu dài hạn khác	65,375,000	71,995,000	-6,620,000
Tài sản cố định	28,939,454,108	30,518,727,296	-1,579,273,188
Tài sản cố định hữu hình	8,945,216,290	10,519,239,478	-1,574,023,188
<i>Nguyên giá</i>	<i>51,964,561,168</i>	<i>51,964,561,168</i>	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-43,019,344,878</i>	<i>-41,445,321,690</i>	<i>-1,574,023,188</i>
Tài sản cố định vô hình	19,994,237,818	19,999,487,818	-5,250,000
<i>Nguyên giá</i>	<i>20,199,237,818</i>	<i>20,199,237,818</i>	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-205,000,000</i>	<i>-199,750,000</i>	<i>-5,250,000</i>
Tài sản dở dang dài hạn	1,054,313,636	1,054,313,636	0
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,054,313,636	1,054,313,636	0
Đầu tư tài chính dài hạn	17,660,969,221	18,403,774,436	-742,805,215
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17,660,389,511	18,403,194,726	-742,805,215
Tài sản dài hạn khác	731,918,359	914,160,667	-182,242,308
Chi phí trả trước dài hạn	731,918,359	914,160,667	-182,242,308

+ Tổng biến động tài sản năm 2021 tăng 4.667.098.520 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 7,178,039,231 đồng, tài sản dài hạn biến động giảm -2.510.940.711 đồng nguyên nhân chủ yếu là do:

Trong tài sản ngắn hạn thì tài sản bằng tiền và tương đương tiền tăng 5.353.847.570 đồng và tăng chủ yếu ở tài khoản ngân hàng.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm -2.657.676.144 đồng chủ yếu là do các khoản mục như: phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm -545,098,687 đồng do trong năm 2021 TST đã thu được ít khoản tiền bán hàng hơn so với năm 2020, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 383.867.637 đồng đây là những khoản tăng có liên quan đến việc đặt hàng mua đầu vào từ các nhà cung cấp của TST, khoản phải thu ngắn hạn khác tăng 2.496.445.094 đồng, khoản mục này tăng chủ yếu là do tăng từ tạm ứng cho nhân viên đi công trình

+ Khoản mục hàng tồn kho trong năm 2021 tăng 4.169.365.500 đồng chủ yếu là tăng ở chỉ tiêu sản phẩm dở dang, nguyên nhân là do năm 2021 vẫn còn nhiều công trình chưa quyết toán, xuất hóa đơn cho khách hàng nên các chi phí công trình bị tồn đọng ở chỉ tiêu sản phẩm dở dang.

+ Tài sản ngắn hạn khác tăng 312.502.305 đồng chủ yếu do thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng 327.874.738 đồng.

Tài sản dài hạn năm 2021 biến động giảm -2510.940.711 đồng chủ yếu là do:

+ Tài sản cố định giảm -1,579,273,188 đồng do khoản mục khấu hao TSCĐ hữu hình tăng

1.574.023.188 đồng và khoản mục khấu hao TSCĐ vô hình tăng 5.250.000 đồng (đều ghi bên có của TSCĐ).

+ Đầu tư tài chính dài hạn giảm -742.805.215 đồng tương ứng khoản cổ tức công ty liên doanh, liên kết – công ty Vina OFC đã thanh toán bằng tiền cho công ty TST trong năm 2021.

Tài sản dài hạn khác giảm -182.242.308 đồng chủ yếu là ở khoản mục chi phí trả trước dài hạn, đây chủ yếu là các khoản chi phí bảo hiểm, thuê kho bãi và thuê địa điểm cho chi nhánh

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch
NỢ PHẢI TRẢ	180,200,268,551	175,287,694,741	4,912,573,810
Nợ ngắn hạn	180,080,268,551	174,606,713,579	5,473,554,972
Phải trả người bán ngắn hạn	88,622,174,275	75,895,031,929	12,727,142,346
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	268,829,000	1,971,901,741	-1,703,072,741
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,804,545,848	4,586,450,364	-1,781,904,516
Phải trả người lao động	1,334,051,127	1,199,260,471	134,790,656
Chi phí phải trả ngắn hạn	11,174,394,140	15,043,327,088	-3,868,932,948
Doanh thu chưa thực hiện			0
Phải trả ngắn hạn khác	32,931,372,095	37,552,001,994	-4,620,629,899
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	42,944,902,066	38,358,739,992	4,586,162,074
Dự phòng phải trả ngắn hạn			0
Nợ dài hạn	120,000,000	680,981,162	-560,981,162
Phải trả dài hạn khác	120,000,000	120,000,000	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	560,981,162	-560,981,162

- Khoản mục Nợ phải trả năm 2021 tăng 4.912.573.810 đồng trong đó Nợ ngắn hạn tăng 5.473.554.972 đồng và Nợ dài hạn giảm -560.981.162 đồng do những nguyên nhân sau:

Nợ ngắn hạn năm 2021 5.473.554.972 đồng chủ yếu là do các chỉ tiêu phải trả người bán ngắn hạn tăng 12.727.142.346 đồng, do công ty TST tiếp tục mua từ các nhà cung cấp các khoản vật tư đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm -1.703.072.741 đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm -1.781.904.516 đồng do trong năm 2021 TST đã thanh toán các khoản nộp nhà nước, phải trả người lao động tăng 134.790.656 đồng, đây là một số khoản muoc trả cho CBCNF tại các chi nhánh, sẽ được xử lý vào đầu tháng 1 năm 2022, chi phí phải trả ngắn hạn giảm -3.868.932.948 đồng do giảm từ những khoản trích trước giá vốn năm 2020, phải trả ngắn hạn khác giảm -4.620.629.899 đồng, chủ yếu là xử lý các khoản phải trả CB CNV của TST đi thực hiện công trình và các khoản phải trả KPCĐ, HBXH, HBYT... cho CBCNV của TST trong năm 2020, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 4.586.162.074 đồng do TST đã phải vay thêm các khoản vay ngân hàng ngắn hạn để phục vụ sản xuất trong năm 2021.

Nợ dài hạn năm 2021 giảm -560.981.162 đồng chủ yếu là do trong năm 2020 do đã đến kỳ hạn nên một số khoản vay ngân hàng ngắn hạn được cơ cấu sang các khoản vay ngân hàng dài hạn, TST đã thanh toán các khoản vay này trong năm 2021.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Về cơ bản trong năm 2021 tại công ty không có phát sinh nợ xấu, cũng trong năm này TST đã không tiến hành trích dự phòng cho khoản nợ khó đòi nào.

Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trong năm 2021 TST không bán hàng cho khách hàng nước ngoài để thu về ngoại tệ và cũng không nhập khẩu nhiều vật tư, hàng hóa từ nước ngoài nên tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng gì đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của công ty TST.

Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay, trong năm 2021 chi phí tài chính của TST là 2.193.714.972 đồng trong đó chi phí tiền lãi vay là 2.176.889.261 đồng, trong năm 2020 chi phí tài chính của TST là 3.696.887.266 đồng trong đó chi phí tiền lãi vay là 3.670.172.538 đồng, như vậy có thể thấy trong năm 2021 TST tăng được tổng doanh thu lên 1,5% so với năm trước nhưng chi phí lãi vay lại giảm được tới -41% so với năm 2020, như vậy có thể thấy TST đã cố gắng nỗ lực để giảm chi phí lãi vay và tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

Kết quả giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc điều hành:

Hội đồng quản trị Công ty TST với vai trò trách nhiệm là đại diện Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản lý hoạt động sxkd của Công ty, đã tập trung giám sát, chỉ đạo thực hiện các giải pháp đã đặt ra, nhằm đảm bảo, duy trì và phát triển hoạt động sxkd, với mục tiêu kế hoạch sxkd năm 2021 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông đe ra, cụ thể như sau:

Bằng sự quyết tâm, uy tín của các thành viên HĐQT và ban Lãnh đạo Công ty nỗ lực hết mình để tháo gỡ những khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 cụ thể là:

- Do thủ tục bàn giao công tác điều hành chưa được thực hiện
- Uy tín của Công ty bị tổn hại nặng nề
- Lực lượng kỹ thuật chưa được tiếp cận các dịch vụ mới nên vừa triển khai vừa đào tạo lao động hiện có.
- Dòng tiền còn hạn hẹp; và xử lý các khoản công nợ với các nhà cung cấp như ZTE, Rhode Swatch...

Hiện tại, Công ty đã vượt qua được khủng hoảng về tài chính đầu năm 2021

- + Dần lấy lại thị phần, triển khai các dự án của Mobifone và VNPT Net
- + Tình hình Công ty đã dần khởi sắc
- + Công ty cố gắng phấn đấu hoàn thành các khoản nợ BHXH, thuế, các khoản công nợ đối tác, nhà cung cấp ZTE, Rhode Swatch... nhằm lấy lại uy tín của Công ty và niềm tin của khách hàng.

Doanh thu theo kế hoạch năm 2021 là: 148.061.000.000; thực hiện trong năm 2021 là: 95.090.877.989 đ chiếm 64,2%. Tổng lợi nhuận sau thuế theo KH 2021 là: 4.536.000.000đ; Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2021 là: -245.475.290đ chiếm -5,4%.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tăng cường công tác quản lý, định hướng hoạt động sxkd, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

- **Mục tiêu kinh doanh cho năm 2022 và các năm tiếp theo:**
 - + Tăng trưởng đều doanh thu dịch vụ viễn thông truyền thống như: Lắp đặt, đo kiểm, xây lắp của Công ty.
 - + Tập trung dịch vụ GTGT, nội dung số.
 - + Duy trì thị trường Mobifone, VNPT đặc biệt là tập trung VNPT như VNPT Net, VNPT Hà Nội, VNPT tp HCM....
 - + Tham gia chuỗi các dịch vụ, sản phẩm thương mại của VNPT.
 - + Chú trọng hình ảnh thương hiệu Công ty, định hình lại thương hiệu của Công ty.
 - + Sắp xếp lại lao động Công ty sao cho hiệu quả, đáp ứng nhu cầu công việc.
 - + Chú trọng đào tạo lực lượng lao động hiện có để tăng cường khả năng chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, công nhân.
 - + IT hóa trong công tác quản lý tại Công ty như nhân sự, tiền lương, dòng công việc và quản lý các dự án.
 - Chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh;
 - Tư vấn và định hướng chiến lược cho Ban Tổng giám đốc trong tổ chức Công ty, hoạt động đầu tư, huy động vốn...
 - Có kế hoạch cụ thể về việc thu hồi công nợ, tập trung vào các dịch vụ thu hồi vốn

nhanh, hiệu quả, đa dạng. Giảm thiểu tối đa việc sử dụng nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng.

- Đảm bảo công tác hạch toán, kế toán chính xác, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc, để có những quyết sách kịp thời...

- HĐQT định hướng và tích cực triển khai nhiều hoạt động SXKD phù hợp với điều kiện thực tế để hoàn thành kế hoạch SXKD năm. Bảo toàn vốn doanh nghiệp, chi tiêu lợi nhuận hợp lý, giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, ổn định việc làm, đảm bảo đời sống CBCNV...

+ Công tác bảo toàn và phát triển vốn:

Chỉ đạo lãnh đạo đổi mới công việc bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ, công tác hạch toán kế toán chính xác, đầy đủ đúng quy định của Pháp luật và cung cấp thông tin kịp thời cho HĐQT để có quyết sách kịp thời. Giảm thiểu việc sử dụng tín dụng của Ngân hàng.

V.Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	19,69%	T/v không điều hành
2	Nguyễn Xuân Hiển	Phó CT. HĐQT	8,15%	T/v điều hành
3	Phạm Trần Hòa	Ủy viên HĐQT	13,12%	T/v không điều hành
4	Nguyễn Văn Đán	Ủy viên HĐQT	1,05%	T/v không điều hành
5	Lâm Vũ Hoàng Tùng	Ủy viên HĐQT	5,22%	T/v điều hành

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiêu ban). Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- HĐQT đã triệu tập các phiên họp, ban hành các nghị quyết, quyết định và một số văn bản xin ý kiến các thành viên HĐQT để kịp thời đề ra các chủ trương giải pháp, chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty phù hợp với điều kiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, cụ thể:

- Phiên họp ngày 04/02/2021: Họp HĐQT về tình hình tài chính đến 01/02/2021; Đơn ứng

cử chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng và các nội dung khác.

- Phiên họp ngày 04/02/2021: Họp HĐQT về phân công ông Lê Anh Toàn thay mặt ông Phan Sỹ Kiên: Quyết định, lập, ký kết các hợp đồng, các giấy tờ liên quan và tiến hành các thủ tục thực hiện phương án vay vốn, phát hành bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng, UNC, thanh toán với nhà cung cấp.
- Phiên họp ngày 04/02/2021: Họp HĐQT về phân công ông Đặng Quang Trung thay mặt ông Phan Sỹ Kiên: Quyết định, lập, ký kết các hợp đồng, các giấy tờ liên quan và tiến hành các thủ tục thực hiện phương án vay vốn, phát hành bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng, UNC, thanh toán với nhà cung cấp.
- Phiên họp ngày 05/02/2021: Họp HĐQT về nội dung: Vinacap cấp cho TST hạn mức cáp chưa trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận cáp.
- Phiên họp ngày 25/02/2021: Họp HĐQT về tình hình tài chính đến ngày 22/02/2021; Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng; Ông Nguyễn Xuân Hiển cho Công ty vay từ nguồn tài chính cá nhân.
- Phiên họp ngày 29/03/2021: Họp HĐQT về thế chấp tài sản tại Ngân hàng quân đội MB-CN Ba Đình. (Bất động sản tại số 4A)
- Phiên họp ngày 13/04/2021: Họp HĐQT về phương án giải quyết các vấn đề tồn đọng theo văn bản kiến nghị ngày 08/04/2021 của Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng; Kết quả sxkd năm 2020 và kế hoạch sxkd năm 2021; kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021; Báo cáo BKS năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
- Phiên họp ngày 14/04/2021: Họp HĐQT về khoản nợ đến hạn Ngân hàng MB, ông Lâm Vũ Hoàng Tùng cho Công ty vay từ nguồn tài chính cá nhân.
- Phiên họp ngày 09/07/2021: + Các khoản thanh toán chưa thực hiện hợp đồng TST-ZTE Hk (Việt Nam) và ZTE Corporation.
 - Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2021.
- Phiên họp ngày 28/07/2021: Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020
- Phiên họp ngày 16/09/2021: + Thay đổi nhân sự làm người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty TST.
 - + Bổ sung nội dung vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.
- Phiên họp ngày 27/09/2021: Gia hạn các khoản nợ đến hạn đối với các khoản vay NH để thi công các công trình của Trung tâm mạng lưới Mobifone Niềm Nam- Tổng công ty Viễn thông Mobifone.
- Phiên họp ngày 29/9/2021: + Báo cáo hoạt động sxkd 9 tháng đầu năm 2021 và dự kiến cả năm 2021.
 - + Chiến lược kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo
 - + Phương án xử lý việc Trọng tài Quốc tế triệu tập Công ty TST về công nợ giữa Cty

TST và ZTE HK (Việt Nam) và ZTE corporation.

- Phiên họp ngày 29/11/2021: Vay vốn phát hành Bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng tại NHTMCP Quân Đội- Chi nhánh Ba Đình

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp). Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

- Danh sách ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
			Cổ phần biểu quyết	
1	Nguyễn Ngọc Quân	Tr. Ban K/soát	0%	T/v không điều hành
2	Phan Thị Phương Dung	Ủy viên BKS	0%	T/v điều hành
3	Phạm Nhật Quang	Ủy viên BKS	0%	T/v không điều hành

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Các công tác đã thực hiện năm 2021:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự một số buổi họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty năm 2021, cụ thể:

- + Kiểm tra các báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2021.
- + Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi trình Hội đồng quản trị chấp thuận.
- + Tham gia ý kiến về một số nội dung thảo luận tại các phiên họp Hội đồng quản trị được tham dự.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo ý kiến của Ban kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Công ty.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc điều hành Công ty:

- Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sxkd.

Năm 2021 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức và dự báo năm sau cũng chưa có khả quan, tổng doanh thu của đơn vị năm 2021 tăng nhẹ 2% so với năm 2020 nhưng lợi nhuận sau thuế giảm tới -5,4%KH và doanh thu Công ty chưa hoàn thành kế hoạch (đạt 64,2% KH). Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	TH/KH 2021	TH 2021/TH 2020
1. Tổng doanh thu	95.090.877	148.061.000	93.612.028	64,2%	102%
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	-245.475	4.536.000	199.717	-5,4%	-123%

- Về công tác tài chính:

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021:

Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty mẹ và hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Do Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh không có báo cáo kết quả SXKD, không có hồ sơ và chứng từ tài chính. Vì vậy, vấn đề này cũng như báo cáo của Ban Kiểm soát các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và trong báo cáo của năm 2021. Ban Kiểm soát cũng vẫn bảo lưu ý kiến không thể kiểm tra được tính trung thực và hợp lý về số liệu của Chi nhánh này trong các Báo cáo tài chính Công ty.

Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có các biện pháp kiên quyết, tích cực, mạnh mẽ hơn, phối hợp tốt với các cơ quan thực thi Pháp luật, các cơ quan hữu quan xử lý dứt điểm các hậu quả tồn đọng trong việc giải thể Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là công nợ, tài sản, hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính. Đề trong thời gian sớm nhất có thể giải thể được Chi nhánh này. Vấn đề này đã được Ban Kiểm soát nêu trong báo cáo năm 2015, 2016, 2017, 2019, 2020 và 2021 đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty lưu tâm.

Thông tin về vụ kiện: Ngày 30/12/2021, Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đã ra phán quyết cuối cùng số 22/21 liên quan đến vụ tranh chấp giữa ZTE HK (Việt Nam) và Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông.

Tổng số tiền Công ty phải trả ZTE theo phán quyết của VIAC là: 23.918.402.588VNĐ. Trong đó, Công ty đang ghi nhận trên TK 331 là: 17.618.728.908đ, số còn lại chưa ghi nhận: 6.299.673.681đ (bao gồm: chi phí chậm thanh toán, chi phí pháp lý và chi phí trọng tài)

Ngày 15/02/2022, Công ty đã gửi công văn cho ZTE đàm phán về tiến độ thanh toán số nợ gốc trong vòng 22 tháng và đề nghị được miễn thanh toán phần lãi chậm trả cũng như các chi phí khác. Đến nay, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của ZTE.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) **Lương**, thường, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thường, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Các khoản lương, thường của thành viên HĐQT, BKS là: 1.163.346.973đ

- Thù lao HĐQT và BKS năm 2021: 0đ

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên). *Không có*.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán.** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIEN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: PKTTKTC



TỔNG GIÁM ĐỐC
*Nguyễn Xuân Hiển*³



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Hồ sơ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và người đại diện theo Pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 736 69 84
- Fax : 0243 568 22 40

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Hiển	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2020
Ông Phạm Trần Hòa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Đán	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Hiển	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên – Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 10 năm 2021) và Ông Nguyễn Xuân Hiển – Tổng Giám đốc (từ ngày 26 tháng 10 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996

kttv@a-c.com.vn
kttv.hn@a-c.com.vn
kttv.nt@a-c.com.vn
kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0358/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chi nhánh của Công ty mẹ tại thành phố Hồ Chí Minh (“Chi nhánh”) đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên, số liệu liên quan đến tài sản, nợ phải trả của Chi nhánh đang được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty ở chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) và chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (mã số 319) với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là 15.718.969.721 VND và 11.441.247.386 VND (không thay đổi so với số đầu năm). Công ty mẹ chưa thực hiện rà soát, đối chiếu các số liệu có liên quan của Chi nhánh để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị tài sản, nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản tồn thất tài sản (nếu có). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.

- Công ty mẹ chưa ghi nhận đủ số thuế GTGT phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2021, với số tiền lần lượt là 1.365.410.642 VND và 2.517.002.080 VND, do Công ty mẹ chưa thực hiện xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đầy đủ đối với một số khoản doanh thu đã hạch toán.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (“VIAC”) đã ra phán quyết cuối cùng số 22/21 (VIAC case No.22/21) liên quan đến vụ tranh chấp giữa ZTE HK (Vietnam) Co.Ltd (“ZTE”) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (“TST”). Theo đó, VIAC yêu cầu và tuyên bố TST phải trả ZTE tổng số tiền 23.918.402.588 VND, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phán quyết (xem Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất số VII.3). Trong đó, TST đã ghi nhận trên tài khoản 331- “Phải trả nhà cung cấp”, số nợ gốc phải trả là 17.618.728.908 VND (xem Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất số V.13); số còn lại chưa ghi nhận là 6.299.673.681 VND (gồm: chi phí lãi chậm thanh toán, chi phí pháp lý và chi phí trọng tài). Ngày 15 tháng 02 năm 2022, Công ty mẹ đã gửi Công văn cho ZTE đàm phán về tiến độ thanh toán số nợ gốc trong vòng 22 tháng và đề nghị được miễn thanh toán phần lãi chậm trả cũng như các chi phí khác. Cho tới thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty mẹ vẫn chưa nhận được phản hồi của ZTE.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tinh hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật viễn thông và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.732.357.695	230.554.318.464
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.453.556.014	4.099.708.444
1. Tiền	111		9.453.556.014	4.099.708.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.086.414.499	153.744.090.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	95.119.555.174	95.664.653.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.676.984.235	2.293.116.598
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	59.131.267.247	61.627.712.341
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.977.559.958)	(5.977.559.958)
8. Tài sản thiêu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	76.209.459.941	72.040.094.441
1. Hàng tồn kho	141		78.474.614.079	74.305.248.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.265.154.138)	(2.265.154.138)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		982.927.241	670.424.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	15.372.433
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		577.611.465	249.736.727
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	405.315.776	405.315.776
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.452.030.324	50.962.971.035
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		65.375.000	71.995.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	65.375.000	71.995.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.939.454.108	30.518.727.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	8.945.216.290	10.519.239.478
<i>Nguyên giá</i>	222		51.964.561.168	51.964.561.168
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.019.344.878)	(41.445.321.690)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19.994.237.818	19.999.487.818
<i>Nguyên giá</i>	228		20.199.237.818	20.199.237.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(205.000.000)	(199.750.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.054.313.636	1.054.313.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.054.313.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.660.969.221	18.403.774.436
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	17.660.389.511	18.403.194.726
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	4.930.579.710	4.930.579.710
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		731.918.359	914.160.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	731.918.359	914.160.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		286.184.388.019	281.517.289.499

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thủ Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		180.200.268.551	175.287.694.741
I. Nợ ngắn hạn	310		180.080.268.551	174.606.713.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	88.622.174.275	75.895.031.929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	268.829.000	1.971.901.741
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.804.545.848	4.586.450.364
4. Phải trả người lao động	314		1.334.051.127	1.199.260.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	11.174.394.140	15.043.327.088
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	32.931.372.095	37.552.001.994
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	42.944.902.066	38.358.739.992
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		120.000.000	680.981.162
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	120.000.000	120.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	560.981.162
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.984.119.468	106.229.594.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	105.984.119.468	106.229.594.758
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- <i>Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết</i>	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.663.796.276	32.663.796.276
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.818.768	1.591.818.768
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.242.705	100.242.705
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.530.024.556	5.822.132.340
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		5.822.132.340	5.822.132.340
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(292.107.784)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.098.237.163	18.051.604.669
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		286.184.388.019	281.517.289.499

Người lập biếu

Son Hong Son

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hiển

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.090.877.989	93.612.672.028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	69.219.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.090.877.989	93.543.453.028
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.131.973.823	81.135.036.446
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.958.904.166	12.408.416.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.749.695	3.162.820
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.193.714.972	3.696.887.266
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.176.889.261	3.670.172.538
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2a	80.169.203	736.222.971
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	165.879.336	724.778.586
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.219.495.093	7.351.450.807
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		461.733.663	1.374.685.714
12. Thu nhập khác	31		-	3.181.818
13. Chi phí khác	32	VI.6	671.225.847	1.086.555.078
14. Lợi nhuận khác	40		(671.225.847)	(1.083.373.260)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(209.492.184)	291.312.454
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		35.983.106	91.594.621
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(245.475.290)	199.717.833
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(292.107.784)	143.898.482
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		46.632.494	55.819.351
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(61)	30
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(61)	30

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Son Hong Son

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu



Nguyễn Xuân Hiển

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thủ Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(209.492.184)	291.312.454
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10,11	1.579.273.188	1.496.397.610
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	-	1.162.358
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(80.169.203)	-
- Chi phí lãi vay	06 VI.3	2.176.889.261	3.670.172.538
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.466.501.062	5.459.044.960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.159.395.824	27.039.081.960
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.169.365.500)	(9.509.965.931)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.121.132.196	(10.036.331.134)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	197.614.741	(591.003.955)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.190.743.836)	(4.100.376.648)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(255.494.534)	(60.752.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.329.039.953	8.199.696.753
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.167.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(1.167.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.18	67.217.345.271	90.373.818.135
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.18	(63.192.164.359)	(99.422.601.813)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(373.295)	(776.188.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.024.807.617	(9.824.972.139)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.353.847.570	(2.792.275.386)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	4.099.708.444	6.890.805.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.178.393
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	9.453.556.014	4.099.708.444

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hiển

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Lợi nhuận gộp của Nhóm Công ty năm nay sụt giảm so với năm trước. Lợi nhuận năm nay âm do lãi trong công ty liên kết sụt giảm so với năm trước (Xem thêm thuyết minh V.2a).

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Nhóm Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Công ty con được hợp nhất

Công ty chi đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 50,54%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 6b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 113 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 148 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát phản lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư đã mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 đến 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quý và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quý được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhân bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	149.751.993	798.508.045
Tiền gửi ngân hàng	9.303.804.021	3.301.200.399
Cộng	9.453.556.014	4.099.708.444

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 2.227.500 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC (không thay đổi so với số đầu năm).

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	3.520.389.511	4.263.194.726
Cộng	17.660.389.511	18.403.194.726

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giá trị phần sở hữu đầu năm	18.403.194.726	18.378.990.506
Lợi nhuận trong năm	217.496.143	867.062.063
Công ty liên kết chia cổ tức	(822.974.418)	(712.018.751)
Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chi thù lao HĐQT, BKS	(137.326.940)	(130.839.092)
Số cuối năm	17.660.389.511	18.403.194.726

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Nhóm Công ty chỉ phát sinh giao dịch nhận cổ tức được chia từ Công ty liên kết với số tiền là 822.974.418 VND (năm trước là 712.018.751 VND).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện ⁽ⁱ⁾	4.930.000.000	(4.930.000.000)	4.930.000.000	(4.930.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱⁱ⁾	579.710	-	579.710	-
Cộng	4.930.579.710	(4.930.000.000)	4.930.579.710	(4.930.000.000)

(i) Công ty Cổ phần Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng tồn thắt khoản đầu tư này với tỷ lệ trích lập 100%.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty nắm giữ 80 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone. Giá trị hợp lý khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính là 2.616.000 VND (số đầu năm: 2.240.000 VND).

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh trích lập/hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	95.119.555.174	95.664.653.861
Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Bắc- Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	6.159.462.515	7.907.665.745
Ban Khai thác mạng - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng Mạng	14.342.795.252	14.342.795.252
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	13.547.402.000	15.592.192.000
Các khách hàng khác	61.069.895.407	57.822.000.864
Cộng	95.119.555.174	95.664.653.861

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	2.676.984.235	2.293.116.598
Công ty Cổ phần Dịch vụ IT và Health Thiên Phước	1.040.000.000	1.040.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.636.984.235	1.253.116.598
Cộng	2.676.984.235	2.293.116.598

OC
NH
T
T
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>59.131.267.247</u>	(5.512.626.280)	<u>61.627.712.341</u>	(5.512.626.280)
Phải thu cán bộ công nhân viên	2.754.763.979	(1.919.569.484)	2.697.654.853	(1.919.569.484)
Tạm ứng	3.253.275.290	-	5.451.703.628	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	470.124.660	-	1.198.819.991	-
Các khoản phải thu tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	15.718.969.721	-	15.718.969.721	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	36.934.133.597	(3.593.056.796)	36.560.564.148	(3.593.056.796)
Cộng	<u>59.131.267.247</u>	(5.512.626.280)	<u>61.627.712.341</u>	(5.512.626.280)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều được xác định là không còn giá trị thu hồi, đã được trích lập dự phòng tối thiểu 100%.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811	1.145.857.811
Ông Đinh Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768	203.814.768
Phải thu do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702	1.499.798.702
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>3.128.088.677</u>	<u>3.128.088.677</u>
Cộng	<u>5.977.559.958</u>	<u>5.977.559.958</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	<u>5.977.559.958</u>	<u>6.036.006.195</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	-	
Phân loại số dư chi nhánh Hồ Chí Minh	-	(58.446.237)
Số cuối năm	<u>5.977.559.958</u>	<u>5.977.559.958</u>

7. Tài sản thiếu chò xử lý

Là hàng tồn kho thiếu chò xử lý tại Chi nhánh Cần Thơ của Công ty mẹ.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.648.089.859	(2.265.154.138)	7.981.097.375	(2.265.154.138)
Công cụ, dụng cụ	41.296.400	-	41.296.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.709.025.212	-	64.190.284.301	-
Hàng hóa	2.076.202.608	-	2.092.570.503	-
Cộng	<u>78.474.614.079</u>	(2.265.154.138)	<u>74.305.248.579</u>	(2.265.154.138)

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	570.224.547	675.613.696
Chi phí sửa chữa	137.693.812	214.546.971
Các chi phí trả trước dài hạn khác	24.000.000	24.000.000
Cộng	731.918.359	914.160.667

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đ minden	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.149.062.795	25.105.412.447	11.592.728.732	1.117.357.194	51.964.561.168
Số cuối năm	14.149.062.795	25.105.412.447	11.592.728.732	1.117.357.194	51.964.561.168
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.941.262.795	22.395.486.442	3.497.273.459	1.117.357.194	34.951.379.890
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.458.579.450	23.416.011.294	8.453.373.752	1.117.357.194	41.445.321.690
Khấu hao trong năm	124.155.996	451.473.840	998.393.352	-	1.574.023.188
Số cuối năm	8.582.735.446	23.867.485.134	9.451.767.104	1.117.357.194	43.019.344.878
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.690.483.345	1.689.401.153	3.139.354.980	-	10.519.239.478
Số cuối năm	5.566.327.349	1.237.927.313	2.140.961.628	-	8.945.216.290
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.712.116.764 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
Số cuối năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	205.000.000	205.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	199.750.000	199.750.000
Khấu hao trong năm	-	5.250.000	5.250.000
Số cuối năm	-	205.000.000	205.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.994.237.818	5.250.000	19.999.487.818
Số cuối năm	19.994.237.818	-	19.994.237.818
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất 245,4 m² tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình (xem thuyết minh số V.18)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng công trình trụ sở Chi nhánh Cần Thơ tại Công ty mẹ.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	88.622.174.275	75.895.031.929
Công ty TNHH ZTE HK (VIETNAM) (*)	17.618.728.908	17.618.728.908
Công ty TNHH MTV Thông tin M3	-	15.433.088.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap	866.413.963	12.402.465.873
Tornado Industrial Co.,Ltd	5.809.687.110	5.809.687.110
Công ty TNHH Một thành viên POSTEF Đà Nẵng	13.404.468.000	-
Các nhà cung cấp khác khác	50.922.876.294	24.631.062.038
Cộng	88.622.174.275	75.895.031.929

(*) Khoản nợ phải trả phát sinh từ năm 2019, 2020 và đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Năm 2021, Công ty TNHH ZTE HK (VIETNAM) đã kiện Công ty ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (xem thêm Thuyết minh VII.3).

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	268.829.000	1.971.901.741
Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	1.012.638.844
Ban Quản lý Dự án Hạ tầng 3 - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	640.289.578
Các khách hàng khác	268.829.000	318.973.319
Cộng	268.829.000	1.971.901.741

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.212.712.194	4.840.527	2.831.182.174	(4.403.363.999)	2.640.530.369	4.840.527
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.024.064	-	35.983.106	(255.494.534)	50.512.636	-
Thuế thu nhập cá nhân	103.714.106	6.554.612	50.603.489	(40.814.752)	113.502.843	6.554.612
Các loại thuế khác	-	393.920.637	-	-	-	393.920.637
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	427.496.166	(427.496.166)	-	-
Cộng	4.586.450.364	405.315.776	3.345.264.935	(5.127.169.451)	2.804.545.848	405.315.776

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Lãi vay phải trả
Giá vốn trích trước
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
-	-	13.854.575
11.174.394.140	15.029.472.513	
11.174.394.140	15.043.327.088	

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Kinh phí công đoàn
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình
Cổ tức, lợi nhuận phải trả
Phải trả ngắn hạn khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
32.931.372.095	37.552.001.994	
1.269.831.998	1.114.594.566	
3.285.011.760	2.025.250.861	
7.821.185.670	14.448.257.455	
5.662.287.405	5.662.660.700	
11.441.247.386	11.441.247.386	
3.451.807.876	2.859.991.026	
32.931.372.095	37.552.001.994	

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay Bên liên quan</i> ⁽ⁱ⁾	6.345.000.000	-
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	5.515.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hiển	830.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	25.262.022.080	27.796.757.964
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình ⁽ⁱⁱ⁾	20.681.678.391	18.329.752.124
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.593.425.808	4.028.433.420
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Thăng Long ^(iv)	986.917.881	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân	-	5.438.572.420
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.161.479.986	9.682.710.000
Công ty TNHH Smatec ^(v)	1.970.000.000	1.970.000.000
Các cá nhân khác ⁽ⁱ⁾	9.191.479.986	7.712.710.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	176.400.000	879.272.028
Cộng	42.944.902.066	38.358.739.992

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất từ 0% đến 12%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khép ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4B-4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội và một số khoản phải thu với Tổng Công ty Viễn thông MobiFone và các đơn vị thành viên.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu phòng 1602, tòa C2, chung cư Vinaconex1.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Thăng Long tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khép ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty và một số khoản phải thu với Tổng Công ty Viễn thông MobiFone và các đơn vị thành viên.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Smatec tại Công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/ năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay bên liên quan	-	12.555.000.000	-	(6.210.000.000)	6.345.000.000
Vay ngân hàng	27.796.757.964	48.623.873.871	-	(51.158.609.755)	25.262.022.080
Vay tổ chức và cá nhân khác	9.682.710.000	6.038.471.400	-	(4.559.701.414)	11.161.479.986
Vay dài hạn đến hạn trả	879.272.028	-	176.400.000	(879.272.028)	176.400.000
Cộng	38.358.739.992	67.217.345.271	176.400.000	(62.807.583.197)	42.944.902.066

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình ⁽ⁱ⁾	-	384.581.162
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng ⁽ⁱⁱ⁾	-	176.400.000
Cộng	-	560.981.162

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để mua thiết bị đo tín hiệu mạng thông tin di động với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (ngày 16 tháng 9 năm 2020). Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại số 4B – 4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10 và V.11). Công ty đã tất toán toàn bộ khoản vay trong năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng số 131395 ngày 09 tháng 8 năm 2017 để mua xe ô tô Toyota Camry với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	176.400.000	879.272.028
Trên 1 năm đến 5 năm	-	560.981.162
Cộng	176.400.000	1.440.253.190

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	560.981.162	631.111.500
Số tiền vay phát sinh	-	1.140.650.000
Số tiền vay đã trả	(384.581.162)	(331.508.310)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(176.400.000)	(879.272.028)
Số cuối năm	-	560.981.162

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vường Thùa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	5.678.233.858	17.995.785.318	106.029.876.925
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	143.898.482	55.819.351	199.717.833
Số dư cuối năm trước	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	5.822.132.340	18.051.604.669	106.229.594.758
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	5.822.132.340	18.051.604.669	106.229.594.758
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(292.107.784)	46.632.494	(245.475.290)
Số dư cuối năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	5.530.024.556	18.098.237.163	105.984.119.468

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	15.750.000.000	15.750.000.000
Các cổ đông khác	32.250.000.000	32.250.000.000
Cộng	48.000.000.000	48.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.800.000	4.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoài tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 243,56 USD (số đầu năm là 248,78 USD).

HN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	39.530.030.500	37.965.015.963
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.138.122.457	30.211.218.735
Doanh thu hợp đồng xây lắp	36.422.725.032	25.436.437.330
Cộng	95.090.877.989	93.612.672.028

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.328.252.024	36.202.413.510
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.764.576.711	27.600.760.437
Giá vốn của hoạt động xây lắp	29.039.145.088	17.331.862.499
Cộng	86.131.973.823	81.135.036.446

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.176.889.261	3.670.172.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.162.358
Chi phí tài chính khác	16.825.711	25.552.370
Cộng	2.193.714.972	3.696.887.266

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	37.557.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.724.790	623.984.721
Các chi phí khác	49.154.546	63.236.365
Cộng	165.879.336	724.778.586

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.673.165.874	2.645.727.882
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.796.512	260.764.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.403.126.316	1.475.493.981
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	28.630.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.378.353.346	1.863.550.483
Các chi phí khác	701.053.045	1.077.283.787
Cộng	6.219.495.093	7.351.450.807

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	420.825.847	1.021.137.904
Chi phí khác	<u>250.400.000</u>	<u>65.417.174</u>
Cộng	<u>671.225.847</u>	<u>1.086.555.078</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(292.107.784)	143.898.482
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(292.107.784)	143.898.482
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>4.800.000</u>	<u>4.800.000</u>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(61)</u>	<u>30</u>

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.991.475.663	25.277.738.064
Chi phí nhân công	12.154.690.483	15.479.322.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.579.273.188	1.496.397.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.579.995.425	19.505.965.187
Chi phí khác	<u>1.883.661.469</u>	<u>1.166.150.152</u>
Cộng	<u>54.189.096.228</u>	<u>62.925.573.029</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng		
Vay không lãi suất	10.955.000.000	-
Trả nợ vay	5.440.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hiển		
Vay không lãi suất	1.600.000.000	-
Trả nợ vay	770.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Xuân Hiển - Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (từ ngày 28/09/2021)	89.203.636	-
Ông Phan Sỹ Kiên – Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (đến ngày 28/09/2021)	93.240.000	600.780.000
Ông Đặng Quang Trung - Phó Tổng Giám đốc	316.321.091	446.416.364
Ông Lê Anh Toàn- Phó Tổng giám đốc	321.855.273	451.670.909
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng – Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 17/3/2021)	240.976.364	-
Cộng	1.061.596.364	1.498.867.273

Các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không hưởng thù lao.

1b. Giao dịch và sở hữu với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC	Công ty liên kết
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	39.530.030.500	19.138.122.457	36.422.725.032	95.090.877.989
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>39.530.030.500</i>	<i>19.138.122.457</i>	<i>36.422.725.032</i>	<i>95.090.877.989</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.201.778.476	373.545.746	7.383.579.944	8.958.904.166
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.385.374.429)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.573.529.737
Doanh thu hoạt động tài chính				1.749.695
Chi phí tài chính				(2.193.714.972)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				80.169.203
Thu nhập khác				
Chi phí khác				(671.225.847)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(35.983.106)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<i>(245.475.290)</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				<i>1.879.491.296</i>
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	37.895.796.963	30.211.218.735	25.436.437.330	93.543.453.028
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>37.895.796.963</i>	<i>30.211.218.735</i>	<i>25.436.437.330</i>	<i>93.543.453.028</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.693.383.453	2.610.458.298	8.104.574.831	12.408.416.582
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.076.229.393)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.332.187.189
Doanh thu hoạt động tài chính				3.162.820
Chi phí tài chính				(3.696.887.266)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				736.222.971
Thu nhập khác				3.181.818
Chi phí khác				(1.086.555.078)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(91.594.621)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<i>199.717.833</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			<i>1.167.000.000</i>	<i>1.167.000.000</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				<i>2.399.273.598</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	94.082.326.300	6.206.175.406	36.600.019.364	136.888.521.070
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				149.295.866.949
Tổng tài sản				286.184.388.019
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	57.489.672.561	17.444.219.642	52.960.415.174	127.894.307.377
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				52.305.961.174
Tổng nợ phải trả				180.200.268.551
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.555.067.602	10.091.753.465	50.038.823.388	135.685.644.455
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				145.831.645.044
Tổng tài sản				281.517.289.499
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	39.056.699.660	3.613.338.676	71.514.243.352	114.184.281.688
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				61.103.413.053
Tổng nợ phải trả				175.287.694.741

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về các vụ kiện

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (“VIAC”) đã ra phán quyết cuối cùng số 22/21 (VIAC case No.22/21) liên quan đến vụ tranh chấp giữa ZTE HK (Vietnam) Co.Ltd (“ZTE”) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (“Công ty”). Theo đó, VIAC yêu cầu và tuyên bố Công ty phải trả ZTE, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phán quyết: (i) tổng số dư nợ 17.618.728.908 VND (theo 2 yêu cầu đòi nợ số 1 và số 2, lần lượt là 1.614.632.023 VND và 16.004.096.884 VND); (ii) lãi chậm thanh toán 4.765.928.321 VND (phát sinh từ việc chậm thanh toán 2 yêu cầu đòi nợ số 1 và số 2, lần lượt là 181.714.669 VND và 4.584.213.652 VND); (iii) chi phí pháp lý và chi phí trọng tài, lần lượt là 938.916.360 VND và 594.829.000 VND.

Tổng số tiền Công ty phải trả ZTE theo phán quyết của VIAC là 23.918.402.588 VND, trong đó, số Công ty đã ghi nhận trên tài khoản 331- “Phải trả nhà cung cấp” là 17.618.728.908 VND (xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.13); số còn lại chưa ghi nhận là 6.299.673.681 VND (gồm: chi phí lãi chậm thanh toán, chi phí pháp lý và chi phí trọng tài).

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn cho ZTE đàm phán về tiến độ thanh toán số nợ gốc trong vòng 22 tháng và đề nghị được miễn thanh toán phần lãi chậm trả cũng như các chi phí khác. Cho tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của ZTE.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Nhóm Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo kết quả thanh tra thuế Cục Thuế thành phố Hà Nội tại Công ty mẹ.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.240.782.436	345.667.928	4.586.450.364 (i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.167.800.268	(345.667.928)	5.822.132.340 (i)

- (i) Điều chỉnh thuế GTGT (từ năm 2015 đến năm 2019) và thuế thu nhập doanh nghiệp (năm 2018) bị truy thu.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hiển